

HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Phan Xuân Cường, Nguyễn Văn Dung, Lương Thị Kim Ngân*

Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

*Email: nganltk@huit.edu.vn

Ngày nhận bài: 17/12/2024; Ngày nhận bài sửa: 14/01/2025; Ngày chấp nhận đăng: 07/02/2025

TÓM TẮT

Phục vụ cộng đồng (PVCĐ) là một trong ba nhiệm vụ trọng tâm của các cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH), đã được quy định cụ thể trong Luật Giáo dục Đại học (sửa đổi 2018). Bên cạnh đó, PVCĐ còn là một trong những tiêu chí bắt buộc phải có nhằm đảm bảo quy định về kiểm định chất lượng CSGDĐH (Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT). Bài viết trình bày thực trạng về hoạt động PVCĐ tại Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh (HUIT) trong những năm qua. Dựa trên cơ sở phân tích bằng phương pháp nghiên cứu định tính, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động PVCĐ tại HUIT phù hợp với bối cảnh và tình hình thực tế hiện nay.

Từ khóa: Phục vụ cộng đồng, cơ sở giáo dục đại học, HUIT.

1. MỞ ĐẦU

Một trong bốn trụ cột của giáo dục theo UNESCO “Học để cùng chung sống” đây là yếu tố quyết định sự phát triển bền vững của đất nước. Chính vì vậy, trong những thập kỷ gần đây, các khái niệm liên quan đến hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đã trở nên phổ biến hơn, được phát triển dựa trên triết lý “giáo dục thực nghiệm” hay còn được biết đến với phương pháp giáo dục “learning by doing” của John Dewey (1938) [1]. Triết lý giáo dục nổi tiếng của UNESCO (1996) đã xác định bốn trụ cột giáo dục “Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để khẳng định mình” [2]. Kể từ đây, hoạt động phục vụ cộng đồng đã trở thành nhiệm vụ trụ cột thứ ba của các CSGDĐH. Tại Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT (quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục) ngày 19 tháng 5 năm 2017 có nêu rõ các tiêu chí cần có của một CSGDĐH về hoạt động phục vụ cộng đồng [3]. Luật Giáo dục đại học (sửa đổi 2018) cũng đã định nghĩa về CSGDĐH như sau: “Cơ sở giáo dục đại học là cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thực hiện chức năng đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, hoạt động khoa học và công nghệ, phục vụ cộng đồng” [4].

Từ thực tế cho thấy, trước năm 2017, do chưa thể chế hóa nhiệm vụ phục vụ cộng đồng đối với các trường đại học, do vậy, đa số các CSGDĐH chú trọng phát triển và nâng cao chất lượng của nhiệm vụ đào tạo và NCKH, còn hoạt động PVCĐ vẫn chưa được quan tâm và đầu tư đúng mức, hoạt động này mới chỉ dừng lại ở mức độ như là một chức năng hỗ trợ cho công tác đào tạo và NCKH. Đây cũng là thực trạng đang diễn ra tại Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh (HUIT). HUIT đã ban hành chính thức Quy định hoạt động kết nối và PVCĐ theo Quyết định 2292/QĐ-DCT ngày 16/8/2023 [5]. Kết quả thực tiễn hoạt động PVCĐ tại HUIT phần nào phản ánh vai trò của hoạt động này chưa thực sự tương xứng với quy mô và vị thế hiện nay của HUIT. Nhiệm vụ đặt ra là cần phải xem xét và đưa hoạt động PVCĐ thực sự trở thành một trong ba chức năng chính của HUIT để hoạt động này thực sự gắn liền với sự phát triển của xã hội, nhà trường và người học.

2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Một số khái niệm cơ bản

Theo Ferdinand Tönnies (1887), cộng đồng là một hình thức xã hội dựa trên mối quan hệ thân tình, gắn bó và lâu dài, thường xuất hiện trong các nhóm gia đình, làng xóm hoặc cộng đồng tôn giáo. Tönnies nhấn mạnh yếu tố cảm xúc và tình cảm cá nhân trong cộng đồng, đối lập với xã hội hiện đại mang tính chức năng và hợp đồng [6]. Theo Dewey (1916), cộng đồng là một nhóm người cùng chia sẻ lợi ích, giá trị hoặc mục tiêu chung và cùng nhau tham gia các hoạt động để phát triển bản thân và môi trường sống. Trong giáo dục, cộng đồng không chỉ là nơi tiếp nhận lợi ích mà còn là đối tác giúp các cơ sở giáo dục định hình trách nhiệm xã hội [7].

Theo Carroll (1991), phục vụ cộng đồng là một phần của trách nhiệm xã hội (Corporate Social Responsibility - CSR) và thể hiện thông qua các hoạt động mang lại giá trị tích cực cho xã hội. Nó bao gồm các nỗ lực cải thiện đời sống cộng đồng, bảo vệ môi trường và phát triển xã hội [8]. Bringle và Hatcher (1996) coi phục vụ cộng đồng trong giáo dục đại học là sự tích hợp giữa các hoạt động xã hội và chương trình giảng dạy, tạo điều kiện cho sinh viên phát triển năng lực học thuật, kỹ năng cá nhân, và ý thức trách nhiệm xã hội. Theo quan điểm này, phục vụ cộng đồng gồm các yếu tố (1) Kết nối học thuật và thực tiễn: Các hoạt động phục vụ cộng đồng phải liên quan đến nội dung học tập. (2) Phát triển sinh viên: Tăng cường kỹ năng, tư duy phản biện và tinh thần trách nhiệm của sinh viên. (3) Đáp ứng nhu cầu cộng đồng: Xác định các nhu cầu cấp bách của cộng đồng và thiết kế hoạt động phù hợp [9]. Theo UNESCO (1998), phục vụ cộng đồng là một phần của chiến lược phát triển bền vững, với mục tiêu thúc đẩy sự cân bằng giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, và nâng cao phúc lợi xã hội. Quan điểm này tập trung vào những khía cạnh như: Phát triển kinh tế: Đảm bảo lợi ích dài hạn cho cộng đồng thông qua giáo dục và kỹ năng. Bảo vệ môi trường: Thực hiện các dự án bảo vệ thiên nhiên, giảm tác động tiêu cực đến môi trường. Phát triển xã hội: Hỗ trợ nhóm yếu thế, tăng cường cơ hội giáo dục và việc làm.

Trên thế giới, đối với các CSGDDH, hoạt động kết nối và PVCD được xem như là một phần của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của họ, và là một định hướng được tích hợp trong chương trình dạy học, không nên tách rời khỏi hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của nhà trường [10]. Hoạt động kết nối và PVCD lúc này là một đặc điểm gắn liền với các trường đại học, thể hiện cách thức vận hành tổ chức nội bộ của nhà trường cũng như các mối liên hệ với các tổ chức khác bên ngoài. Nhiều nhà nghiên cứu cũng đã khẳng định rằng các cơ sở giáo dục đại học phải hoạt động có nguyên tắc về hoạt động kết nối và PVCD, và tạo nên bản sắc hoặc thậm chí tạo nên thành công và danh tiếng của nhà trường [11].

2.1.2. Tổng quan nghiên cứu

Các nghiên cứu liên quan đến hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng trong các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam còn khá ít. Phần lớn các tài liệu đề cập đến hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng là các văn bản do Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học ban hành nhằm quy định cụ thể các hoạt động này phục vụ cho việc đánh giá và kiểm định trường đại học. Các nghiên cứu khác của các tác giả trình bày thực trạng hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng tại một số đại học, trường đại học điển hình, từ đó có hướng đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động này.

Trên thế giới các học giả nghiên cứu vấn đề này thường tiếp cận theo hướng trách nhiệm xã hội trường đại học, điển hình như:

Vasilescu và cộng sự (2010) nghiên cứu về khái niệm University Social Responsibility (USR) nhấn mạnh rằng các trường đại học không chỉ có vai trò cung cấp giáo dục và nghiên cứu mà còn phải đóng góp tích cực vào sự phát triển cộng đồng. Nhóm tác giả kết luận USR là yếu tố chiến lược giúp nâng cao uy tín của trường. Thành công của các hoạt động phục vụ cộng đồng phụ thuộc vào sự phối hợp giữa lãnh đạo trường, giảng viên và sinh viên [12].

Nghiên cứu của Watson và cộng sự (2011) trong công trình nghiên cứu The Engaged University tập trung vào vai trò của các trường đại học trong việc thúc đẩy phát triển bền vững thông qua gắn kết với cộng đồng. Các mô hình như "service-learning" và "community-based research" được nhấn mạnh như công cụ chính để trường đại học tạo ảnh hưởng. Kết quả của nghiên cứu này kết luận rằng gắn kết

cộng đồng không chỉ cải thiện danh tiếng của trường mà còn tạo giá trị bền vững cho cộng đồng, và cần có chiến lược rõ ràng trong việc tích hợp các hoạt động cộng đồng vào sứ mệnh giáo dục [13].

Một nghiên cứu khác của Dương Đức Hùng (2019) đã trình bày vai trò phục vụ cộng đồng của các trường đại học địa phương. Nghiên cứu chỉ ra rằng các trường đại học địa phương phải coi trọng chức năng phục vụ và nâng cao năng lực phục vụ cộng đồng, hình thành một tương tác lành mạnh giữa các trường đại học và xã hội thông qua nội lực của trường, cầu nối của chính quyền địa phương và sự hợp tác với các cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn và doanh nghiệp [14].

2.2. Hoạt động PVCD tại Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

Đối với các CSGDDH, các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, phục vụ cộng đồng được xác định là những nhiệm vụ mang tính chất “sứ mệnh”. Trong đó, hoạt động phục vụ cộng đồng là hoạt động có ý nghĩa đặc biệt đòi hỏi sinh viên (SV) cần nhận thức được nhiệm vụ này từ khi còn ngồi trên ghế giảng đường đại học. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đó, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh đã ban hành quy định chuẩn tham gia công tác xã hội đối với SV của trường (*Quyết định số 2018/QĐ-DCT ngày 17/12/2013 về việc chương trình và đề cương môn học giáo dục nghề nghiệp và công tác xã hội*). Theo đó, quy định chuẩn tham gia công tác xã hội đối với SV của trường được hoạch định và lượng hóa bằng rất nhiều hoạt động cụ thể, đa dạng phủ khắp các mặt của đời sống SV, phù hợp với tình hình thực tiễn của Nhà trường và các định hướng của Nhà nước.

Từ năm 2013 đến nay các hoạt động công tác xã hội và phục vụ cộng đồng được tổng kết và công khai định kỳ hàng tháng, được đưa vào là một trong những điều kiện để SV phấn đấu thực hiện trước khi tốt nghiệp ra trường. Kết quả triển khai đã tạo nhiều hiệu ứng tích cực đối với chất lượng của đội ngũ kỹ sư, cử nhân của nhà trường, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của SV đối với bản thân và cộng đồng; Phát huy tinh thần xung kích của SV, tinh nguyện vì cộng đồng, nhân ái, tương trợ và chủ động góp sức trẻ tham gia giải quyết các vấn đề đang được nhà trường và xã hội quan tâm; Tạo lập môi trường để SV rèn luyện kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp, trau dồi và tích lũy kinh nghiệm sống. Đây cũng là một trong những hoạt động triển khai nhằm hướng tới mục tiêu tạo sự gắn kết giữa nhà trường với doanh nghiệp, địa phương và các tổ chức quốc tế.

Bảng 1. Số lượng SV tham gia hoạt động công tác xã hội, phục vụ cộng đồng

STT	Năm học	Số hoạt động được tổ chức	Số lượt SV tham gia
1	2016-2017	78	10.697
2	2017-2018	88	8.153
3	2018-2019	74	7.244
4	2019-2020	78	18.639
5	2020-2021	56	8.530
6	2021-2022	91	12.167
7	2022-2023	114	27.542
8	2023-2024	138	18.546

Nguồn: Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh, 2024

Ngày 01/7/2023, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh đổi tên thành Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh (HUIT) theo quyết định số 789/QĐ-TTg. Theo đó, chiến lược của HUIT về nhiệm vụ PVCD cũng được thể hiện qua sứ mạng của nhà trường “*Đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức, kiến thức và kỹ năng đáp ứng nhu cầu của xã hội; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ đa ngành, đa lĩnh vực; thực hiện trách nhiệm xã hội, phục vụ cộng đồng và hội nhập quốc tế.*” và đã được cụ thể hóa thông qua văn bản Quyết định số 2292/QĐ-DCT ngày 16/8/2023 về việc ban hành Quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh (Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh, 2023). Quy định bao gồm 5 mục và 21 tiểu mục các hoạt động kết nối và PVCD đang được triển khai thực hiện tại nhà trường.

Bảng 2. Số lượt SV tham gia các nội dung các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng tại HUIT

Stt	Nội dung các hoạt động kết nối và PVCD	Số lượt SV tham gia (năm học 2023-2024)
1	<i>Kết nối và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng</i>	5114
1.1	Hợp tác xây dựng và phát triển chương trình đào tạo; phối hợp tổ chức quá trình đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo theo hướng phát huy năng lực người học đáp ứng nhu cầu xã hội, gắn việc đào tạo với sử dụng lao động	1606
1.2	Thực hiện chương trình liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục đào tạo trong và ngoài nước	258
1.3	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn về chuyên môn, nghiệp vụ	502
1.4	Khảo sát, dự báo nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực, cơ hội việc làm, thực trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp, chất lượng đào tạo của Nhà trường	1230
1.5	Cung cấp thông tin về ngành, chương trình đào tạo, khả năng đáp ứng việc làm của người học	1518
2	<i>Kết nối và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ</i>	1385
2.1	Phối hợp tổ chức nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án phục vụ cho sự phát triển của cộng đồng và xã hội	154
2.2	Kết nối và tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học về các lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Nhà trường	578
2.3	Kết nối nhằm khai thác các đề tài nghiên cứu khoa học, dự án các cấp	546
2.4	Tạo môi trường, mạng lưới thúc đẩy nghiên cứu khoa học sinh viên, học viên nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, tư duy phân tích, ứng dụng lý thuyết của người học.	85
2.5	Xây dựng các tư vấn chính sách và chuyển giao cho các cơ quan quản lý nhà nước phục vụ việc phát triển kinh tế xã hội	22
3	<i>Kết nối và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực hỗ trợ người học</i>	4523
3.1	Hỗ trợ người học tiếp cận và khai thác các nguồn lực về học liệu, nguồn lực tài chính, học bổng và ứng dụng công nghệ thông tin... phục vụ cho việc học tập được hiệu quả.	457
3.2	Tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp, công tác tư vấn tâm lý, hướng nghiệp, việc làm và các kỹ năng cần thiết cho người học để tăng cơ hội việc làm, khởi nghiệp sau khi tốt nghiệp	2629
3.3	Kết nối với mạng lưới nhà tuyển dụng, phối hợp tổ chức hội nghị giới thiệu việc làm, định hướng nghề nghiệp và cung cấp thông tin phù hợp về người học cho nhà tuyển dụng	624
3.4	Xây dựng cơ chế phối hợp, tạo điều kiện để người học được tham gia các hoạt động về chuyên môn, nghiệp vụ, văn hóa, văn nghệ, thể thao, câu lạc bộ học thuật với các bên liên quan	813
4	<i>Kết nối phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực tư vấn, khuyến nghị chính sách</i>	75
4.1	Xây dựng chuyên đề và tổ chức các hoạt động tư vấn về chuyên môn, nghiệp vụ cho các tổ chức, doanh nghiệp và các bên liên quan	28
4.2	Tham gia tư vấn hoạt động xây dựng, triển khai chính sách, mô hình kinh tế và các kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, bộ ngành	47
5	<i>Kết nối và phục vụ cộng đồng trong các hoạt động công tác xã hội, tình nguyện và từ thiện</i>	7449
5.1	Tổ chức các hoạt động tình nguyện, từ thiện nhằm giúp đỡ người nghèo, người yếu thế, trẻ em, đồng bào dân tộc thiểu số, người dân ở các vùng có điều kiện khó khăn và những người chịu thiệt thòi do thiên tai, lũ lụt gây ra	1086
5.2	Tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, phòng chống ma túy, các tệ nạn xã hội, hoạt động trại hè, mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo...	1784
5.3	Tổ chức các hoạt động giao lưu, hợp tác, trao đổi kinh nghiệm giữa Nhà trường với các bên liên quan nhằm quảng bá thương hiệu, hình ảnh của Nhà trường với cộng đồng.	387
5.4	Tổ chức các hoạt động công tác xã hội nhằm tạo điều kiện phát triển các hoạt động hỗ trợ người học, thúc đẩy phong trào học thuật, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trong Nhà trường	4192

Nguồn: Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh, 2024

Từ các số liệu được thể hiện ở bảng 2, có thể thấy rằng HUIT đã có nhiều hoạt động đa dạng và đạt hiệu quả cao ở một số lĩnh vực như hỗ trợ người học và công tác xã hội. Tuy nhiên, các lĩnh vực như tư vấn chính sách và nghiên cứu khoa học vẫn còn dư địa để cải thiện. Về hoạt động hỗ trợ người học, các hoạt động tư vấn tâm lý, hướng nghiệp, kỹ năng cần thiết đạt hiệu quả cao nhất với 2.629 lượt tham gia. Kết nối với mạng lưới nhà tuyển dụng cũng ghi nhận sự quan tâm lớn (624 lượt). Tuy nhiên, việc hỗ trợ người học tiếp cận các nguồn lực như học bổng, tài chính chi thu hút 457 lượt, cho thấy cần cải thiện khả năng tiếp cận nguồn hỗ trợ này. Về hoạt động công tác xã hội, tình nguyện và từ thiện là lĩnh vực ghi nhận sự tham gia đông đảo của sinh viên. Đặc biệt, hoạt động công tác xã hội hỗ trợ người học, thúc đẩy phong trào học thuật và văn hóa có đến 4.192 lượt tham gia. Các hoạt động tình nguyện, từ thiện và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cũng có số lượng tham gia lớn, lần lượt là 1.086 và 1784 lượt. Trong bối cảnh thực tế hiện nay tại HUIT, các hoạt động kết nối và PVCĐ đang được triển khai và thực hiện cho thấy phần lớn sinh viên tham gia các hoạt động này mới chỉ dừng lại ở góc độ hỗ trợ cho hoạt động đào tạo cũng như để được cấp chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp và công tác xã hội – một chứng chỉ bắt buộc đối với sinh viên khi tốt nghiệp ra trường. Hầu hết những hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đang chỉ được triển khai thực hiện đối với đối tượng là sinh viên, những chương trình; dự án về hoạt động kết nối và PVCĐ được tổ chức cho cán bộ VC-NLĐ của Nhà trường còn khá hạn chế.

Thông qua việc phỏng vấn lấy ý kiến của 12 chuyên gia đến từ trong và ngoài trường về một số yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng hoạt động phục vụ cộng đồng tại HUIT, có thể thấy rằng quan điểm lãnh đạo được xem là yếu tố chủ chốt, đóng vai trò định hướng chiến lược và tạo động lực cho các hoạt động phục vụ cộng đồng. Chuyên gia nhấn mạnh rằng lãnh đạo cần có tầm nhìn dài hạn, cam kết rõ ràng và sự quyết tâm trong việc thúc đẩy trách nhiệm xã hội của trường đại học. Về chính sách, ý kiến chuyên gia cho rằng việc xây dựng các cơ chế hỗ trợ cụ thể, như chính sách khen thưởng hoặc các quy định khuyến khích sự tham gia, là yếu tố quyết định để đảm bảo tính bền vững. Tuy nhiên, một số chuyên gia cũng cảnh báo rằng chính sách cần linh hoạt, phù hợp với đặc điểm của từng cộng đồng nơi địa bàn trường trú đóng, nhằm tránh sự cứng nhắc và thiếu hiệu quả. Yếu tố kết nối với cộng đồng được đánh giá là cầu nối quan trọng giúp các chương trình phục vụ cộng đồng đạt được mục tiêu thực tiễn. Theo các chuyên gia, trường cần xây dựng mối quan hệ bền chặt và thường xuyên với các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và chính quyền địa phương. Điều này không chỉ nâng cao hiệu quả hoạt động mà còn gia tăng uy tín và hình ảnh của trường. Sự tham gia của người dạy và người học được nhấn mạnh là yếu tố quan trọng, thể hiện tinh thần trách nhiệm và sự đồng lòng trong toàn thể nhà trường. Chuyên gia cho rằng cần thiết lập cơ chế đào tạo, hỗ trợ và khuyến khích cả giảng viên lẫn sinh viên tham gia vào các dự án cộng đồng một cách chủ động và sáng tạo. Về ngân sách hoạt động được đề cập như một thách thức lớn. Hầu hết chuyên gia đều đồng ý rằng nguồn tài chính ổn định và được phân bổ hợp lý là nền tảng để duy trì chất lượng và mở rộng quy mô các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đồng thời, cần tìm kiếm các nguồn tài trợ từ bên ngoài để giảm áp lực ngân sách nội bộ. Nhìn từ những kết quả từ thực tế của hoạt động phục vụ cộng đồng tại HUIT phần nào phản ánh vai trò của hoạt động này chưa thực sự tương xứng với quy mô và vị thế hiện nay của HUIT. Trong quá trình triển khai hoạt động phục vụ cộng đồng, HUIT vẫn đang đối mặt với một số hạn chế đáng chú ý, cản trở sự phát triển bền vững và hiệu quả của các chương trình này.

Thứ nhất, thiếu nguồn lực tài chính và nhân lực là một trong những khó khăn lớn nhất mà Nhà trường phải đối mặt. Mặc dù các hoạt động phục vụ cộng đồng đòi hỏi sự đầu tư đáng kể về cả về tài chính và con người, nhưng ngân sách dành cho những hoạt động này thường không được cấp đủ hoặc không ổn định. Các chương trình phục vụ cộng đồng đòi hỏi sự tham gia của nhiều giảng viên, sinh viên, và cộng đồng, nhưng sự thiếu hụt về đội ngũ nhân lực có chuyên môn và kinh nghiệm, cùng với những hạn chế về tài chính, khiến cho các hoạt động này khó có thể triển khai với quy mô lớn hoặc bền vững. Hơn nữa, hiện nay Nhà trường vẫn chưa có cơ chế tài chính cụ thể để hỗ trợ các dự án phục vụ cộng đồng, khiến việc kêu gọi nguồn lực từ bên ngoài trở nên khó khăn.

Thứ hai, mối liên kết giữa trường đại học và cộng đồng địa phương thường còn yếu, dẫn đến sự thiếu đồng bộ trong việc xác định nhu cầu và triển khai các chương trình phục vụ cộng đồng. Việc thiếu các cơ chế phối hợp chặt chẽ với các tổ chức xã hội hoặc chính quyền địa phương khiến cho các hoạt động phục vụ cộng đồng thiếu sự gắn kết và không thật sự đáp ứng được nhu cầu thực tế của cộng đồng. Hệ quả là các chương trình có thể bị trùng lặp, thiếu sự đổi mới hoặc không đủ sức ảnh hưởng đến các vấn đề xã hội cần giải quyết. Hơn nữa, sự thiếu hiểu biết về đặc thù văn hóa và nhu cầu riêng biệt của

cộng đồng địa phương cũng làm giảm hiệu quả của các sáng kiến phục vụ cộng đồng, vì chúng không phù hợp với thực tiễn của từng vùng miền, dẫn đến việc triển khai các dự án không hiệu quả.

Thứ ba, việc thiếu chiến lược và chính sách phục vụ cộng đồng rõ ràng, đồng bộ là một vấn đề lớn. Mặc dù Nhà trường nhận thức được tầm quan trọng của việc phục vụ cộng đồng, nhưng vẫn chưa xây dựng được một chiến lược dài hạn và toàn diện cho các hoạt động này. Các chương trình thường bị gián đoạn hoặc thiếu tính liên tục, không được tích hợp vào mục tiêu phát triển chung của trường. Chính sách phục vụ cộng đồng cũng thường thiếu sự hỗ trợ rõ ràng đối với giảng viên và sinh viên tham gia, khiến họ không cảm thấy động lực hay sự khuyến khích tham gia tích cực vào các dự án này. Hơn nữa, không có cơ chế đánh giá cụ thể và liên tục đối với các hoạt động phục vụ cộng đồng, dẫn đến sự thiếu minh bạch trong việc theo dõi tiến độ và kết quả thực hiện. Điều này làm giảm hiệu quả tổng thể của các sáng kiến phục vụ cộng đồng, khi không có các công cụ đo lường và điều chỉnh kịp thời. Ngoài ra, Nhà trường còn gặp phải vấn đề trong việc kết nối hoạt động phục vụ cộng đồng với quá trình đào tạo và nghiên cứu, khiến cho các chương trình này không phát huy hết tiềm năng của một trường đại học trong việc tạo ra sự thay đổi xã hội. Do đó, việc giải quyết các hạn chế này yêu cầu một chiến lược phát triển toàn diện, từ việc tăng cường nguồn lực tài chính và nhân lực, đến xây dựng các cơ chế hợp tác chặt chẽ và minh bạch trong các hoạt động cộng đồng.

3. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Dựa trên thực trạng đang diễn ra tại HUIT về hoạt động phục vụ cộng đồng, có thể thấy rằng bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận, vẫn tồn tại không ít khó khăn và hạn chế cần được khắc phục. Những vấn đề như quan điểm lãnh đạo chưa đồng bộ, chính sách hỗ trợ chưa thực sự hấp dẫn, sự kết nối với cộng đồng còn lỏng lẻo, sự tham gia của giảng viên và sinh viên chưa cao, cùng nguồn ngân sách còn hạn chế đã ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả của các hoạt động. Do đó, việc xây dựng và triển khai các giải pháp phù hợp, toàn diện và khả thi là yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng hoạt động phục vụ cộng đồng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu xã hội và góp phần khẳng định vai trò, vị thế của Nhà trường trong cộng đồng và xã hội.

Thứ nhất, tăng cường vai trò lãnh đạo của Nhà trường trong việc triển khai đồng bộ hoạt động kết nối và PVCĐ: Đảng ủy, Ban giám hiệu Nhà trường cần thể hiện rõ cam kết mạnh mẽ thông qua việc đưa hoạt động phục vụ cộng đồng trở thành một phần chiến lược trong kế hoạch phát triển dài hạn của trường. Cụ thể, Nhà trường cần ban hành các chính sách cụ thể, rõ ràng nhằm hướng dẫn và hỗ trợ các đơn vị trong việc thực hiện các hoạt động này. Đồng thời, thành lập một ban chỉ đạo chuyên trách về phục vụ cộng đồng, chịu trách nhiệm điều phối, giám sát và định kỳ đánh giá hiệu quả của các chương trình, bảo đảm tính đồng bộ và nhất quán. Vai trò lãnh đạo cũng cần được thể hiện qua việc xây dựng các tiêu chí đánh giá và chỉ tiêu cụ thể về kết quả phục vụ cộng đồng, được tích hợp vào hệ thống đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học của từng đơn vị và cá nhân. Lãnh đạo nhà trường cũng cần thể hiện rõ cam kết và dẫn dắt các nỗ lực phục vụ cộng đồng thông qua hành động cụ thể, tạo niềm tin và động lực cho các đơn vị và cá nhân liên quan. Lãnh đạo Nhà trường có thể tham gia hoặc giám sát các hoạt động cộng đồng lớn, như lễ khởi động các dự án phục vụ cộng đồng, các buổi hội thảo hoặc gặp gỡ đại diện cộng đồng. Qua đó, Nhà trường không chỉ khẳng định vai trò tiên phong mà còn thúc đẩy sự gắn kết giữa các đơn vị nội bộ và các đối tác bên ngoài, tạo nền tảng vững chắc cho các hoạt động phục vụ cộng đồng mang tính dài hạn và bền vững.

Thứ hai, thực hiện phân bổ ngân sách cho hoạt động PVCĐ của nhà trường hàng năm: Hoạt động PVCĐ là một trong ba nhiệm vụ chính của cơ sở giáo dục đại học, điều này có nghĩa nhà trường cần xem xét xây dựng nguồn lực tài chính cho hoạt động này trong dài hạn. Nhà trường cần xác định và phân bổ ngân sách cụ thể cho các hoạt động phục vụ cộng đồng theo từng năm học và cụ thể hóa con số ngân sách cho hoạt động này trong quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường, xem đây là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển toàn diện của nhà trường. Việc phân bổ ngân sách một cách rõ ràng và phù hợp sẽ đảm bảo nguồn lực tài chính để thực hiện các hoạt động PVCĐ. Việc này không chỉ đảm bảo rằng các hoạt động cộng đồng của nhà trường có nguồn tài chính ổn định hàng năm để triển khai thực hiện mà còn phản ánh cam kết của trường đối với trách nhiệm xã hội. Các đơn vị hoặc khoa đào tạo được giao nhiệm vụ chủ trì hoạt động này có thể được phân công đề lên kế hoạch và dự toán chi phí cho các dự án cộng đồng, và ngân sách sẽ được phân bổ dựa trên tính khả thi và tiềm năng tác động của các dự án. Kế hoạch này nên được tính đến cả các nguồn tài chính từ trường và các nguồn bên ngoài, đồng thời dự đoán các chi phí phát sinh. Kế hoạch tài chính dài hạn còn giúp nhà trường có khả năng

đối phó với những thay đổi bất ngờ trong tài chính hoặc kinh tế, đảm bảo rằng các dự án cộng đồng không bị gián đoạn. Bên cạnh đó, Nhà trường có thể tìm kiếm và kêu gọi tài trợ từ các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, các mạnh thường quân, các đối tác của nhà trường, quỹ từ thiện, chính quyền địa phương... để bổ sung vào ngân sách cho các hoạt động phục vụ cộng đồng. Sự hợp tác này không chỉ mang lại nguồn lực tài chính mà còn tạo ra cơ hội để mở rộng và nâng cao chất lượng các dự án cộng đồng. Nhà trường có thể thiết lập các mối quan hệ đối tác chiến lược, trong đó các bên tài trợ có thể nhận được những lợi ích cụ thể, như nâng cao uy tín xã hội hoặc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR). Ngoài ra, nhà trường có thể thông qua các tổ chức chính trị - xã hội của trường như Công đoàn trường, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức các sự kiện gây quỹ, chiến dịch tài trợ hoặc các chương trình hợp tác, nơi các nhà tài trợ có thể tham gia trực tiếp vào các dự án, tạo điều kiện cho họ thấy rõ giá trị của khoản đầu tư.

Thứ ba, xây dựng các cơ chế và chính sách phù hợp nhằm tăng cường sự tham gia của VC-NLĐ và người học trong toàn trường vào các hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường: Hiện nay, chiến lược của nhà trường về nhiệm vụ PVCĐ được thể hiện qua sứ mạng “*Đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức, kiến thức và kỹ năng đáp ứng nhu cầu của xã hội; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ đa ngành, đa lĩnh vực; thực hiện trách nhiệm xã hội, phục vụ cộng đồng và hội nhập quốc tế.*” và được cụ thể hóa thông qua văn bản Quyết định số 2292/QĐ-DCT ngày 16/8/2023 về việc ban hành Quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Quy định bao gồm 6 mục và 30 tiêu mục các hoạt động kết nối và PVCĐ đang được triển khai thực hiện tại trường. Để có thể đảm bảo rằng chiến lược về hoạt động kết nối và PVCĐ của nhà trường cũng như các kế hoạch hành động đã được cụ thể hóa đang đi đúng hướng, nhà trường cần thiết lập các chỉ số đo lường hiệu quả (KPI) cụ thể cho từng hoạt động. Những KPI này nên liên quan trực tiếp đến các mục tiêu chiến lược và bao gồm các tiêu chí như số lượng sinh viên và cán bộ VC-NLĐ tham gia, số lượng dự án cộng đồng hoàn thành, tác động xã hội có thể đo lường được, và mức độ hài lòng của cộng đồng. Các KPI sẽ hỗ trợ BGH nhà trường theo dõi tiến độ và đánh giá hiệu quả của từng hoạt động, từ đó điều chỉnh chiến lược trong trường hợp cần thiết. Ngoài ra, để có thể thực hiện thành công chiến lược của nhà trường, cần thiết phải có sự tham gia và cam kết của toàn thể nhà trường, bao gồm lãnh đạo, cán bộ VC-NLĐ, sinh viên, và các đối tác cùng như cộng đồng bên ngoài. Nhà trường nên tổ chức các cuộc họp, hội thảo và chương trình truyền thông để giải thích rõ ràng chiến lược, vai trò của mỗi người và cách thức thực hiện. Khi mọi người đều hiểu rõ tầm quan trọng của chiến lược và trách nhiệm của mình, họ sẽ có động lực và cam kết hơn trong việc triển khai từng hoạt động cụ thể. Nhà trường cũng cần thiết lập các chính sách hỗ trợ và khuyến khích đối với hoạt động PVCĐ, nhìn từ thực tế hiện nay, các hoạt động về kết nối và PVCĐ của nhà trường mới chỉ dừng lại ở mức độ như là một điều kiện bắt buộc về chuẩn đầu ra liên quan đến chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp và công tác xã hội đối với sinh viên hệ đại học chính quy. Nhà trường nên xây dựng các chính sách hỗ trợ và khuyến khích để thúc đẩy sự tham gia của sinh viên, cán bộ VC-NLĐ vào các hoạt động phục vụ cộng đồng của nhà trường, bao gồm việc công nhận và đánh giá cao các nỗ lực phục vụ cộng đồng thông qua các giải thưởng, học bổng, hoặc điểm cộng trong quá trình học tập đối với sinh viên và thăng tiến nghề nghiệp đối với cán bộ VC-NLĐ. Song song với việc triển khai thực hiện, cũng cần phải xây dựng quy trình đánh giá và cải tiến liên tục đối với hoạt động kết nối và PVCĐ: Cần có một quy trình đánh giá và cải tiến liên tục và được vận hành song song với việc thực hiện là cần thiết để đảm bảo các hoạt động kết nối và PVCĐ không chỉ được thực hiện mà còn được nâng cao về chất lượng qua thời gian. Nhà trường cần phát triển các tiêu chí và chỉ số đánh giá hiệu quả của các hoạt động này, đồng thời thiết lập các quy trình phản hồi từ sinh viên, giảng viên, và cộng đồng. Các kết quả đánh giá này nên được sử dụng để cải thiện và điều chỉnh chính sách, chương trình đào tạo, và cách thức triển khai các dự án cũng như các hoạt động cộng đồng.

Thứ tư, tăng cường xây dựng các mối quan hệ và kết nối với chính quyền địa phương: Thiết lập mối quan hệ đối tác chiến lược bằng cách chủ động xây dựng và tạo lập các mối quan hệ tâm đối tác chiến lược dưới dạng các thỏa thuận hợp tác hoặc biên bản ghi nhớ (MoU) với các đơn vị, tổ chức tại địa phương nơi nhà trường đang trú đóng nhằm tạo nền tảng cho sự hợp tác bền vững và hiệu quả hơn trong các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đại diện lãnh đạo của nhà trường nên tham gia vào các hội đồng hoặc các ban liên quan đến phát triển cộng đồng của địa phương. Sự tham gia này không chỉ giúp nhà trường nắm bắt được các nhu cầu và ưu tiên của cộng đồng mà còn tạo cơ hội để nhà trường đóng góp ý kiến và chuyên môn vào quá trình ra quyết định. Việc trở thành một phần của các diễn đàn ra quyết định địa phương sẽ củng cố vai trò và sự hiện diện của nhà trường trong cộng đồng. Hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực PVCĐ cho địa phương thông qua việc Nhà trường có

thể hợp tác với chính quyền địa phương trong việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng các nhu cầu cụ thể của địa phương trong hoạt động PVCĐ như các kỹ năng, các lớp ngắn hạn liên quan đến việc xây dựng ý tưởng và thực hiện các dự án về cộng đồng. Việc đóng góp vào phát triển nguồn nhân lực sẽ giúp nhà trường củng cố vị trí của mình như một đối tác quan trọng trong sự phát triển bền vững của địa phương.

4. KẾT LUẬN

Hoạt động phục vụ cộng đồng (PVCĐ) là một trong những nhiệm vụ cốt lõi của các cơ sở giáo dục đại học, phản ánh không chỉ trách nhiệm xã hội mà còn vai trò tiên phong của nhà trường trong việc xây dựng và phát triển cộng đồng. Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh, với sứ mệnh đào tạo và phục vụ xã hội, đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội và nâng cao chất lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng, nhà trường cần triển khai các giải pháp cụ thể, đồng bộ và bền vững. Với những giải pháp đã được nhóm tác giả đề xuất, trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh không chỉ có thể khắc phục những hạn chế hiện tại mà còn nâng tầm các hoạt động phục vụ cộng đồng lên một mức cao hơn, góp phần khẳng định vai trò tiên phong của nhà trường trong giáo dục, nghiên cứu và phục vụ xã hội. Sự kết hợp giữa tầm nhìn chiến lược, cam kết lãnh đạo, nguồn lực tài chính và sự tham gia tích cực của toàn thể cán bộ, giảng viên, sinh viên là yếu tố cốt lõi để tạo dựng một nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của nhà trường và cộng đồng trong tương lai.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này do Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh bảo trợ và cấp kinh phí theo Hợp đồng số 33/HĐ-DCT ngày 09 tháng 01 năm 2024.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] J. Dewey, “Experience and Education”. *New York: Macmillan Zdanowicz*, 1938.
- [2] J. Delors, “Learning: The Treasure Within. Report to UNESCO of the International Commission on Education for the Twenty-first Century”. *UNESCO Publishing*, 1996.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư ban hành quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học*, số 12/2017/TT-BGDĐT, 2017.
- [4] Quốc Hội, *Luật Giáo dục đại học 08/2012/QH13* (sửa đổi, bổ sung 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018), 2018.
- [5] Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh, *Quyết định số 2292/QĐ-DCT ngày 16/8/2023 về việc ban hành Quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh*, 2023.
- [6] F. Tönnies, “Gemeinschaft und Gesellschaft: Grundbegriffe der reinen Soziologie”, *Leipzig: Fues's Verlag*, 1887.
- [7] J. Dewey, “Democracy and Education: An Introduction to the Philosophy of Education”, *New York: Macmillan*, 1916.
- [8] A. B. Carroll, “The Pyramid of Corporate Social Responsibility: Toward the Moral Management of Organizational Stakeholders,” *Bus. Horiz.*, vol. 34, no. 4, pp. 39–48, 1991. [https://doi.org/10.1016/0007-6813\(91\)90005-G](https://doi.org/10.1016/0007-6813(91)90005-G)
- [9] R. G. Bringle and J. A. Hatcher, “Implementing service learning in higher education,” *J. Higher Educ.*, vol. 67, no. 2, pp. 221–239, 1996. <https://doi.org/10.1080/00221546.1996.11780257>
- [10] M. Coelho and I. Menezes, “University social responsibility, service learning, and students’ personal, professional, and civic education,” *Front. Psychol.*, vol. 12, 617300, 2021. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2021.617300>
- [11] C. Caravelis, “A review of the Cambridge handbook of service learning and community engagement”. *International Journal of Research on Service-Learning and Community Engagement*, vol. 7, no. 1, art. no. 14, 2019. <https://doi.org/10.37333/001c.11489>

- [12] R. Vasilescu, C. Barna, M. Epure, and C. Baicu, “Developing University Social Responsibility: A Model for the Challenges of the New Civil Society,” *Procedia Soc. Behav. Sci.*, vol. 2, no. 2, pp. 4177–4182, 2010. <https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2010.03.660>
- [13] D. Watson, R. Hollister, S. Stroud, and E. Babcock, “The Engaged University: International Perspectives on Civic Engagement”, *New York: Routledge*, 2011. <https://doi.org/10.4324/9780203818763>
- [14] Dương Đức Hùng, “Vai trò phục vụ cộng đồng của các trường đại học địa phương”, *Tạp chí khoa học Trường Đại học Hải Phòng*, số 37, tr. 18-23, 2019.

ABSTRACT

COMMUNITY SERVICE ACTIVITIES AT HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF INDUSTRY AND TRADE: CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS

Phan Xuan Cuong, Nguyen Van Dung, Luong Thi Kim Ngan*

Ho Chi Minh City University of Industry and Trade

*Email: nganltk@huit.edu.vn

Community service is one of the three key tasks of higher education institutions, which have been specified in the Law on Higher Education (amended 2018). In addition, community service is also one of the mandatory criteria to ensure regulations on quality accreditation of higher education (Circular 12/2017/TT-BGDĐT). The article presents the current situation of community service activities at Ho Chi Minh City University of Industry and Trade (HUIT) in recent years. Based on analyses using both qualitative and quantitative research methods, the authors propose some solutions to enhance and improve the quality of community service activities at HUIT in accordance with the current context and actual situation.

Keywords: Community service, higher education institutions, HUIT.